

Số: 4582/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng
tỷ lệ 1/500 Kho – Cảng tổng hợp Hóa sinh Vàm Cỏ Đồng Nai
tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ về lập, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-
CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy
hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy
định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ
Xây dựng về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô
thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5865/TTr-SXD
ngày 02 tháng 11 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Kho – Cảng tổng hợp Hóa sinh Vàm Cỏ Đồng Nai tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới: Xác định theo Quyết định chủ trương đầu tư số 3627/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh và Trích lục và Biên vẽ bản đồ địa chính khu đất số 3143/2014 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai tỉnh Đồng Nai xác lập ngày 16 tháng 6 năm 2014.

2. Quy mô lập quy hoạch:

a) Quy mô diện tích : 204.958,1 m².

b) Tỷ lệ lập quy hoạch : 1/500.

3. Tính chất, mục tiêu:



a) Là khu kho cảng tổng hợp được đầu tư xây dựng mới đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phục vụ các hoạt động giao nhận và vận tải hàng hoá như nguyên liệu dung môi, hoá chất dạng lỏng (*trừ xăng dầu, khí gas*); đảm bảo các quy định về an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và an ninh hàng hải.

b) Xác lập cơ sở cho Chủ đầu tư tiến hành triển khai các bước tiếp theo của dự án và làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

a) Cơ cấu, tỷ lệ sử dụng đất :

- Đất dịch vụ điều hành : 04 – 06%.
- Đất kho chứa hàng hóa : 44 – 48%.
- Đất cây xanh : $\geq 20\%$.
- Đất hạ tầng kỹ thuật : 02 – 04%.
- Đất giao thông : 24 – 28%.

b) Mật độ xây dựng gộp toàn khu : $\leq 45\%$, trong đó:

- Đất dịch vụ điều hành : $\leq 40\%$.
- Đất kho chứa hàng hóa : $\leq 50\%$.
- Đất hạ tầng kỹ thuật : $\leq 40\%$.

c) Tầng cao xây dựng

- Khu dịch vụ điều hành : 02 – 05 tầng.
- Kho chứa hàng hóa : 01 – 02 tầng.
- Công trình hạ tầng kỹ thuật : 01 tầng.

d) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp điện : 50 ÷ 120 KW/ha.
- Chỉ tiêu cấp nước : $\geq 20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Chỉ tiêu thoát nước : 100% lượng nước cấp.
- Chỉ tiêu rác thải:
 - + Rác thải sinh hoạt : 01 ÷ 1,2 kg/người/ngày.
 - + Rác thải công nghiệp : 0,3 tấn/ha.
- Chỉ tiêu thông tin liên lạc:
 - + Thuê bao cố định (*điện thoại và internet có dây*): 01 thuê bao/2 người.
 - + Thuê bao di động đảm bảo phủ sóng toàn bộ khu vực quy hoạch.

5. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

a) Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất dịch vụ điều hành	11.830,5	5,77
2	Đất kho chứa hàng hoá	94.490,8	46,10
	Kho bãi hàng hoá	25.269,4	
	Kho bồn chứa hàng	69.221,4	
3	Đất cây xanh	44.559,2	21,74
	Cây xanh tập trung	14.517,3	
	Cây xanh cách ly, mặt nước	30.041,9	
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	6.431,1	3,14
	Khu xử lý nước thải	600,0	
	Khu sửa chữa, cấp phát nhiên liệu	3.947,4	
	Hạ tầng kỹ thuật khác	1.883,7	
5	Đất giao thông	47.646,5	23,25
	Đường chung kết nối vào đường liên cảng	9.445,3	
	Bãi đậu xe tập trung	2.227,2	
	Đường giao thông nội bộ	35.974,0	
	Tổng cộng	204.958,1	100,0

b) Quy hoạch phân khu chức năng: Với diện tích 204.958,1m² được phân thành các khu chức năng chính như sau:

- Khu dịch vụ điều hành có tổng diện tích 11.830,5 m² bao gồm:
 - + Nhà văn phòng điều hành (ký hiệu A1) có diện tích 1.963,9m² với mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao xây dựng 02 – 05 tầng.
 - + Khu nhà ăn, nhà nghỉ giữa ca; Khu dịch vụ, sân thể dục thể thao; Nhà bảo vệ, nhà để xe và công trình phụ trợ khác,... (ký hiệu A2, A3) có tổng diện tích 9.866,6m² với mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao xây dựng 01 – 02 tầng.
- Khu kho chứa hàng hóa có tổng diện tích 94.490,8 m² bao gồm:
 - + Kho bãi hàng hóa (ký hiệu B1, B2) có tổng diện tích 25.269,4m² với mật độ xây dựng ≤ 50%, tầng cao xây dựng 01 – 02 tầng.
 - + Kho bồn chứa hàng (ký hiệu từ C1 ÷ C3) có tổng diện tích 69.221,4m² với mật độ xây dựng ≤ 50%, tầng cao xây dựng 01 – 02 tầng.
- Khu cây xanh có tổng diện tích 44.559,2m² bao gồm:
 - + Cây xanh tập trung (ký hiệu từ CXTT-1 ÷ CXTT-3) có tổng diện tích 14.517,3m² với mật độ xây dựng ≤ 05%, tầng cao xây dựng 1 tầng.
 - + Cây xanh cách ly, mặt nước (ký hiệu từ CXCL-1 ÷ CXCL-4) có tổng diện tích 30.041,9m².
- Khu hạ tầng kỹ thuật có tổng diện tích 6.431,1m² bao gồm:
 - + Khu xử lý nước thải (ký hiệu D1) có diện tích 600,0m².
 - + Khu sửa chữa, cấp phát nhiên liệu (ký hiệu D2) có diện tích 3.947,4m².



+ Công trình hạ tầng kỹ thuật khác (ký hiệu D3) có diện tích 1.883,7m².

- Đất giao thông có tổng diện tích 47.646,5m² bao gồm:

+ Đường chung kết nối vào đường liên cảng có diện tích 9.445,3m².

+ Bãi đậu xe tập trung (ký hiệu BX) có diện tích 2.227,2m².

+ Đường giao thông nội bộ có tổng diện tích 35.974,0m².

c) Các chỉ tiêu Quy hoạch – Kiến trúc:

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao
1	Đất dịch vụ điều hành		11.830,5		
1.1	Nhà văn phòng điều hành	A1	1.963,9	40	2 – 5
1.2	Khu dịch vụ, sân thể thao,...	A2	7.022,7	40	1 – 2
1.3	Khu nhà ăn, nhà nghỉ giữa ca,...	A3	2.843,9	40	1 – 2
2	Đất kho chứa hàng hóa		94.490,8		
2.1	Đất kho bãi hàng hóa	B	25.269,4		
	- Kho bãi hàng hóa 1	B1	7.427,5	50	1 – 2
	- Kho bãi hàng hóa 2	B2	17.842,0	50	1 – 2
2.2	Đất kho bồn chứa	C	69.221,4		
	- Kho bồn chứa 1	C1	27.898,6	50	1 – 2
	- Kho bồn chứa 2	C2	14.906,9	50	1 – 2
	- Kho bồn chứa 3	C3	26.415,9	50	1 – 2
3	Đất hạ tầng kỹ thuật		6.431,1		
3.1	Khu xử lý nước thải	D1	600,0	60	1
3.2	Khu sửa chữa, cấp phát nhiên liệu	D2	3.947,4	60	1
3.3	Hạ tầng kỹ thuật khác	D3	1.883,7	60	1
4	Đất cây xanh		44.559,3		
4.1	Đất cây xanh tập trung		14.517,3		
	- Cây xanh tập trung 1	CXTT-1	1.810,3	5	1
	- Cây xanh tập trung 2	CXTT-2	12.059,1	5	1
	- Cây xanh tập trung 3	CXTT-3	648,0	5	1
4.2	Đất cây xanh cách ly		30.041,9		
	- Cây xanh cách ly 1	CXCL-1	2.724,9		
	- Cây xanh cách ly 2	CXCL-2	5.572,2		
	- Cây xanh cách ly 3	CXCL-3	4.103,6		
	- Cây xanh cách ly 4	CXCL-4	17.641,3		

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan - Thiết kế đô thị

a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Với vị trí dự án tiếp giáp sông Lòng Tàu và có tuyến đường đê Ông Kèo, tuyến kênh liên hoàn dọc đê Ông Kèo đi qua; trong giai đoạn đường Liên cảng

chưa xây dựng, hướng giao thông tiếp cận của dự án sẽ là trục đường đê Ông Kèo; do đó phương án quy hoạch trên cơ sở cập nhật hướng tuyến, cải tạo mở rộng đường đê Ông Kèo và tuyến kênh liên hoàn dọc đê, hạn chế ảnh hưởng đến việc đi lại, vận chuyển nông sản của người dân; đảm bảo thoát nước tại khu vực.

- Tổ chức cây xanh tập trung kết hợp với cây xanh cách ly trải dài theo ranh dự án; nghiên cứu các loại cây xanh có bóng mát, giảm tiếng ồn và hạn chế ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; Các không gian mở và cây xanh, mặt nước,... góp phần chống sạt lở bờ sông, cải thiện vi khí hậu, nâng cao chất lượng môi trường làm việc và là nơi tổ chức các hoạt động thể thao ngoài trời.

b) Thiết kế đô thị:

- Tổ chức trục giao thông chính kết nối giữa đường liên cảng, đường đê Ông Kèo nối dài tới sông Nhà Bè, hình thành một trục cảnh quan liên tục; bố trí cổng vào và khu nhà văn phòng điều hành có tầng cao xây dựng từ 02 – 05 tầng với hình khối kiến trúc hiện đại kết hợp các khoảng không gian cây xanh có diện tích đủ lớn, nhằm tạo điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan tại dự án.

- Các khu kho chứa hàng hóa được thiết kế với hình khối kiến trúc, màu sắc, kết cấu bao che,... đồng bộ, góp phần cải tạo cảnh quan chung cho khu vực.

- Các công viên cây xanh, thảm cỏ, sân thể dục thể thao,.. được bố trí trải dài theo ranh dự án, tạo không gian cảnh quan sinh động và thống nhất.

c) Quy định về chiều cao xây dựng công trình:

- Công trình dịch vụ điều hành : $\leq 22m$.

- Công trình đầu mối kỹ thuật : $\leq 07m$.

d) Quy định về khoảng lùi xây dựng công trình:

- Đối với sông Lòng Tàu : $\geq 50m$.

- Đối với đường liên cảng : $\geq 20m$.

- Đối với các đường trục nội bộ : $\geq 06m$.

e) Quy định về hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc của các công trình:

- Đường nét và hình khối kiến trúc công trình: hiện đại, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường; các công trình phải tạo được sự đồng bộ hợp lý (về hình thức mái, số tầng cao, khoảng lùi,...).

- Màu sắc công trình kiến trúc phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan của khu vực; không sử dụng màu phản quang, màu sẫm và màu đậm.

- Về kiến trúc công trình và quản lý đầu tư xây dựng trong dự án được quy định cụ thể tại quy định quản lý xây dựng kèm theo hồ sơ.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại (*Mặt cắt A-A*): theo điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch được phê duyệt thì đường liên cảng có lộ giới 61m (*mặt cắt ngang 14m + 15m + 3m + 15m + 14m*) và đường song hành đường Liên cảng với lộ giới 19m (*mặt cắt ngang 8m + 8m + 3m*).



- Giao thông đối nội:

+ Đường D1, D3, N1, N2 (Mặt cắt 1-1) có lộ giới 26m (Lòng đường 2x8m; Vĩa hè hai bên 2x4m; Dải phân cách giữa 2m).

+ Đường đê Ông Kèo (Mặt cắt 2-2) có lộ giới 15m (Lòng đường 7m; Vĩa hè hai bên 2x4m).

+ Đường D1 – đoạn từ đê Ông Kèo ra cầu cảng sông Lòng Tàu (Mặt cắt 6-6) có lộ giới 26m (Lòng đường 18m; Vĩa hè hai bên 2x4m).

- Đường D2, N3 (Mặt cắt 3-3) có lộ giới 12m (Lòng đường 7m; Vĩa hè một bên 4m và một bên 1m).

- Đường D4 (Mặt cắt 4-4) có lộ giới 11m (Lòng đường 6m; Vĩa hè một bên 1m và một bên 4m).

b) Quy hoạch san nền - Thoát nước mưa:

- Cao độ san nền thiết kế theo phương pháp đắp tới cote san nền theo quy định chung của huyện Nhơn Trạch được phê duyệt ($H_{xd} \geq 2,5m$) và hiện trạng cao độ nền tại khu vực. Thiết kế đường đồng mức san nền có hướng dốc từ đường Liên Cảng (cao độ hoàn thiện +2,8m) thấp dần về phía Đông Nam (cao độ hoàn thiện +2,5m). Đồng thời, tạo độ dốc về phía các trục đường giao thông để thuận lợi cho việc thoát nước mưa, độ dốc tối thiểu $i = 0,004$.

- Hệ thống thoát nước mưa được đầu tư hoàn chỉnh với chế độ tự chảy; phân chia làm 02 lưu vực thoát nước mưa chính; nước mưa sau khi thu gom sẽ được xả ra sông Nhà Bè bằng các cửa xả Ø800 và Ø1200. Cống thoát nước mưa bố trí ngầm dưới vĩa hè, sử dụng cống BTCT có đường kính từ Ø600 đến Ø1200 (Ø400 đối với cống BTCT đi ngang qua các trục đường).

- Xây dựng hệ thống kè dọc sông Long Tàu và rạch Chà Là Bé (đoạn trong phạm vi dự án) đảm bảo ổn định nền đất, chống sạt lở bờ sông, rạch.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nguồn cấp nước được lấy từ hệ thống cấp nước hiện hữu tại xã Phước Khánh, thông qua tuyến cấp nước dọc đường đê Ông Kèo có đường kính uPVC Ø114 để cấp nước cho dự án. Tổng nhu cầu dùng nước là 620 m³/ngày.đêm

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế theo dạng mạng lưới vòng, đảm bảo cung cấp nước an toàn và liên tục. Sử dụng ống HDPE, được bố trí dưới vĩa hè dọc theo các trục đường với đường kính từ Ø110.

- Trên các tuyến ống cấp nước, tại ngã ba, ngã tư dọc theo các tuyến đường, bố trí các họng lấy nước chữa cháy với bán kính phục vụ 100 ÷ 150 m/họng để thuận tiện cho việc chữa cháy.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải từ các công trình được dẫn bằng hệ thống cống BTCT đường kính D300 dọc theo đường giao thông về Khu xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 120 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sau xử lý đạt cột A theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN

14-MT:2015/BTNMT về nước thải sinh hoạt; Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận (*rạch Chà Là Bé giáp ranh phía Đông dự án*).

- Rác thải: Ký hợp đồng với đơn vị Dịch vụ môi trường đô thị thu gom và đưa đi xử lý bằng xe chuyên dùng tại bãi xử lý theo quy hoạch chung.

đ) Quy hoạch hệ thống điện:

- Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ tuyến trung thế hiện hữu 22KV chạy dọc theo đường liên cảng (*từ Trạm biến thế 22/0,4KV – 2x40MVA Ông Kèo tại xã Phước Khánh tới*). Tổng nhu cầu cấp điện của dự án là 2.276 kW.

- Xây dựng mới các tuyến trung thế, hạ thế, trạm biến áp (*loại trạm trong nhà hoặc trạm compact*) để cấp điện cho dự án. Các tuyến trung thế, hạ thế, lưới điện chiếu sáng được đầu tư đồng bộ, dọc các tuyến đường và ngầm dưới vỉa hè.

e) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn tín hiệu chính được ghép nối theo định hướng chung tại xã Phước Khánh. Tổng dung lượng của dự án là 41 thuê bao.

- Đầu tư Trạm phân phối và hệ thống cống bể ngầm, tủ cáp phân phối đồng bộ cùng với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác (*có khả năng kết nối với mạng viễn thông quốc gia*) để triển khai lắp đặt tổng đài và mạng cáp viễn nhằm cung cấp các dịch vụ viễn thông trong dự án..

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Thực hiện theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án đầu tư xây dựng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật.

8. Danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong dự án

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông khu vực, giao thông nội bộ kết nối với hệ thống giao thông đô thị; Xây dựng hệ thống kè giáp sông Lầu Tàu và rạch Chà Là Bé đảm bảo ổn định nền đất, chống sạt lở bờ sông, rạch.

- Hoàn thiện từng bước hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho các tuyến đường giao thông; đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống cấp, thoát nước, cây xanh công viên,.. theo quy hoạch trong phạm vi dự án.

9. Quy định quản lý: Ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Kho – Cảng tổng hợp Hóa Sinh Vàm Cỏ Đồng Nai tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch.

10. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện:

a) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hóa sinh Vàm Cỏ Đồng Nai.

b) Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn chủ sở hữu.

c) Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Công ty Cổ phần Hóa sinh Vàm Cỏ Đồng Nai có trách nhiệm:

1. Phối hợp cùng Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, Ủy ban nhân dân xã Phước Khánh thực hiện công bố công khai cho Nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cấm mốc giới theo quy định. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, Ủy ban nhân dân xã Phước Khánh tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cấm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng thỏa thuận, đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch; việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho nội dung Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cảng tổng hợp tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Khánh; Giám đốc Công ty cổ phần Hóa sinh Vàm Cỏ Đồng Nai; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *bc*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (KTN);
- Lưu: VT, KTN, Tan.

<D:\2020\Nhơn Trạch\DCQHCT>



Cao Tiến Dũng